TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **62/**2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hương;
2/ Bà Nguyễn Thị Lê;
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2025/TLST – DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2025/QĐXXST - DS, ngày 20 tháng 9 năm 2025 giữa:
1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N
Địa chỉ: LPB Tower, số 210, đường Trần Quang Kh, phường Tràng T, quận Hoàn K, tp. Hà Nội (nay là LPB Tower, số 210, đường Trần Quang Kh, phường Hoàn K, tp. Hà Nội)
Người đại diện theo pháp luật: Vũ Quốc Kh
Người đại diện theo ủy quyền: Nông Văn C và Vũ Phú H
(Theo quyết định ủy quyền số 4135/2025/QĐ-LPBank.QTRR ngày 21/3/2025 và giấy ủy quyền số 05/2025/GUQ/LPBank.BP ngày 29/4/2025)
2. Bị đơn: ông Đỗ Duy T, sinh năm: 1998
Nơi cư trú: thôn 3, xã Bình M, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 3 - Bình M, xã Bom B, tỉnh Đồng Nai)
(Nguyên đơn vắng mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2025 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đỗ Duy T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N (LPBank) CN Bình Phước – PGD Bù Đ theo 02 khoản vay. Chi tiết các khoản vay như sau:

Khoản vay 1: ngày 23/11/2023 Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N (LPBank) CN Bình Phước – PGD Bù Đ và ông T có ký hợp đồng tín dụng số HDTD30C2023311, theo đó Ngân hàng cho ông T vay số tiền 300.000.000đ. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất trong hạn 11%/ năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/ năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông T có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 19 với diện tích đất 694,7m^2 thuộc thôn 3, xã Bình M, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 3 – Bình M, xã Bom B, tỉnh Đồng Nai) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 551490, số vào sổ cấp GCN: CS 04507 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/12/2021 đứng tên ông Đỗ Duy T. Ngân hàng và ông T có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021.

Ngoài ra, ông T còn nợ khoản vay (thẻ tín dụng) theo nội dung của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/11/2022 cùng các phụ lục hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 15/4/2025 thì dư nợ gốc là 15.240.944 đồng; Lãi quá hạn là 5.525.089 đồng. Tổng cộng: 20.766.033 đồng

Đến ngày tất toán hợp đồng thì ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã gọi điện đôn đốc nhiều lần nhưng không được, xâm phám đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc ông Đỗ Duy T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng LPBank theo 02 khoản vay nêu trên: HDTD30C2023311 ngày 23/11/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/11/2022 cùng các phụ lục hợp đồng tín dụng đi kèm với tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/04/2025 là: 345.480.449 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn bốn trăm bốn chín đồng) và ông Đỗ Duy T phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi tất toán khoản vay.

Ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đỗ Duy T không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm ghi nhận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021 để thu hồi nợ vay.

Ông Đỗ Duy T phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền vay 374.383.818 đồng, trong đó vay thẻ tín dụng là 24.123.949 đồng, số tiền vay là 299.693.455 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử với số nợ lãi quá hạn là: 3.146.712 đồng và nợ lãi chậm trả là 47.419.702 đồng và tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi tất toán 02 khoản vay. Các nội dung khác nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 299, Điều 320, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bị đơn ông Đỗ Duy T trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N số tiền vay 299.480.455 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi bị đơn ông Đỗ Duy T thanh toán xong nợ thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N có trách nhiệm trả lại tài sản mà bị đơn ông Đỗ Duy T đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021

Nếu bị đơn ông Đỗ Duy T không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp được ghi nhận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021 để thu hồi nợ.

Buộc bị đơn ông Đỗ Duy T trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N số tiền vay 24.123.949 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Đỗ Duy T (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Duy T.

[2] Xét: Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N khởi kiện ông Đỗ Duy T yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo như ghi nhận trong hợp đồng tín dụng thì ông Đỗ Duy T cư trú tại thôn 3, xã Bình M, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 3 - Bình M, xã Bom B, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai).

[3] Xét giao dịch giữa Ngân hàng và ông Đỗ Duy T được lập trong năm 2022 và năm 2023. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N yêu cầu ông Đỗ Duy T trả số tiền vay 299.693.455 đồng:

[4.1] Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N khai nhận ngày 23/11/2023 Ngân hàng và ông Đỗ Duy T ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD30C2023311, theo đó Ngân hàng giải ngân cho ông T vay với số tiền là 300.000.000 đồng. Ngân hàng cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng (bút lục số 03 - 07) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ngoài ra, để đảm bảo khoản vay nói trên ông T có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt xem như tự từ bỏ việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ông T vay tiền của Ngân hàng là có thật.

[4.2] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 17 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Trong hợp đồng tín dụng HĐTD30C2023311 ngày 23/11/2023 có ghi nhận *"Thời hạn cho vay là: 12 tháng. Đươc tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay"*. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Như vậy, thời hạn ông T phải trả tiền vay cho Ngân hàng chậm nhất là ngày 23/11/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả số tiền là 306.545 đồng, còn lại số tiền 299.693.455 đồng chưa trả. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông T trả số tiền vay 299.693.455 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 24/11/2024 đến ngày 30/9/2025 (ngày xét xử) với số nợ lãi quá hạn là: 3.146.712 đồng và nợ lãi chậm trả là 47.419.702 đồng. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận…. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất"*. Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này"*. Trong hợp đồng tín dụng số HĐTD30C2023311 ngày 23/11/2023 có ghi nhận: *"lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/ năm"*. Xét, các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi tại hợp đồng tín dụng là không vi phạm điều cấm của pháp luật về giao dịch tín dụng. Do đó, có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi của các bên. Mặt khác, lãi suất mà Ngân hàng áp dụng với ông T là phù hợp với lãi suất đã

được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng và ông T vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Ngân hàng khai nhận khi ký kết hợp đồng tín dụng HĐTD30C2023311 ngày 23/11/2023 thì ông T có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 19 với diện tích đất 694,7m^2 thuộc thôn 3, xã Bình M, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 3 – Bình M, xã Bom B, tỉnh Đồng Nai) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 551490 Số vào sổ cấp GCN: CS 04507 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/12/2021 đứng tên ông Đỗ Duy T. Ngân hàng và ông T có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm gồm: *"Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ"*. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm khi ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về yêu cầu khởi kiện trả số tiền 24.123.949 đồng:

Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (gọi chung là Hợp đồng) ngày 01/11/2022 giữa Ngân hàng và ông T thể hiện ngày 01/11/2022 Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng có số tài khoản thẻ 0000000019589341 với hạn mức là 20.000.000 đồng cho ông T. Sau khi được cấp thẻ, ông T đã sử dụng thẻ thực hiện các khoản vay tiêu dùng với số tiền là 15.240.944 đồng. Xét thấy, Hợp đồng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 17 Điều 4 khoản 2 Điều 100, điểm a khoản 3 Điều 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

Xét, về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu ông T trả nợ cho thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã thể hiện, tính đến thời điểm ngày 30/9/2025 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 24.123.949 đồng (trong đó bao gồm số tiền mà ông T đã sử dụng, các loại phí, lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ). Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông T đã quá hạn 297 ngày. Tại điểm p Điều 11 của bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ghi nhận: *"Trường hợp chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn trị giá thanh toán tối thiểu sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, LPBank sẽ chấm dứt sử dụng thẻ (khóa thẻ vĩnh viễn trên hệ thống), thu hồi thẻ và tiến hành thủ tục thu hồi nợ vay và xử lý Tài sản bảo đảm, nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng là toàn bộ dư nợi (gốc, lãi, phí phát sinh)"*. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu

cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông T trả số tiền dư nợ là 24.123.949 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về các nội dung khác:

[7.1] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 2.500.000đ. Tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận".* Do yêu cầu xử lý tài sản của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ. Tại khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ".* Do đó, cần buộc ông T hoàn trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 2.500.000 đồng cho Ngân hàng.

[7.2] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận."*. Do đó, bị đơn ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận

[7.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 293, Điều 299, Điều 320, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Đỗ Duy T.

- Buộc bị đơn ông Đỗ Duy T trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N số tiền vay 299.693.455 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 50.566.414 đồng (trong đó, nợ lãi quá hạn là: 3.146.712 đồng và nợ lãi chậm trả là 47.419.702 đồng). Tổng cộng số tiền ông Đỗ Duy T phải trả là 350.259.869 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD30C2023311 ngày 23/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bị đơn thanh toán xong nợ thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N có trách nhiệm trả lại tài sản mà bị đơn đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021.

Nếu bị đơn không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp được ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC30C2021302 ngày 15/12/2021 để thu hồi nợ.

- Buộc bị đơn ông Đỗ Duy T trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N số tiền nợ thẻ tín dụng là 24.123.949 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đỗ Duy T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 01/11/2022 và bản Điều khoản và Điều lệ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Đỗ Duy T phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 2.500.000đ.

3/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Đỗ Duy T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.719.191 đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt N số tiền tạm ứng án phí là 8.637.011 đồng theo biên lai thu tiền số 0009841 lập ngày 04 tháng 6 năm 2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2025). Bị đơn

vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh